

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-7-2019.

“V/v: *Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà H Lum Niê.

2/ Ông Nguyễn Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2019/TLST–HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019, về việc: “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXX-ST ngày 04/6/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị N, sinh năm 1991- *Có mặt*

Trú tại: Tổ 5, thôn Thác Đ, xã E K, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Nguyễn Văn C, Sinh năm 1989 – *Vắng mặt*

Trú tại: Tổ 5, thôn Thác Đ, xã E K, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

* **Nguyên đơn:** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị N trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn C qua thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký vào ngày 30/5/2013, tại UBND K, huyện C, tỉnh Đ

Quá trình duy trì cuộc sống chung vợ chồng; thời gian đầu vợ chồng tôi sống với nhau hạnh phúc không vấn đề gì, nhưng kể từ năm 2016 trở lại đây giữa chúng tôi nảy sinh rất nhiều mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống vợ chồng. Nguyên nhân

xuất phát từ sự bất đồng về tính tình, quan điểm lối sống và trong sinh hoạt, chồng tôi thường xuyên có hành vi bạo lực đối với tôi, tôi đã cố chịu đựng nhìn nhục vì không muốn gia đình đổ vỡ, con cái sống cảnh thiếu tình yêu thương của cha mẹ, nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra và ngày càng trở nên trầm trọng. Trong thời gian mâu thuẫn mặc dù đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được. Vì vậy chúng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương, tôn trọng nhau nữa, cố cố níu kéo cũng chỉ làm khổ nhau, nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với chồng tôi là anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng tôi đã có với nhau 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/11/2013, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với bố và gia đình bên nội. Hiện tại tôi chưa có chỗ ăn ở ổn định, hay đi làm ăn xa nên không có điều kiện để chăm sóc con. Vì vậy sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng giao con cho chồng tôi tạm thời nuôi dưỡng để cháu có điều kiện sinh hoạt, ăn ở và học hành.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn C:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C vắng mặt không lên Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai của anh C cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng:

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự:

Nguyên đơn: đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Bị đơn: không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, không đến Tòa án tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật mà không có lý do chính đáng.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, chị N và anh C nảy sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có biện pháp hàn gắn hay ý thức khắc phục. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N đối với anh C

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/11/2013 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu Trần trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án nhân dân huyện CuM'gar đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật cho bị đơn là anh Nguyễn Văn C, nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2]*Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là “*Xin ly hôn và con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Chị Đinh Thị N và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn vào ngày 30/5/2013, tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì cuộc sống chung vợ chồng; theo nguyên đơn giữa chị và anh C chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân theo chị N là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng về quan điểm, lối sống và trong sinh hoạt, anh C thường hay có hành vi bạo lực với chị do ghen tuông vô cớ. Nay chị N xác định không còn tình cảm và không

còn thương yêu chồng nữa, mâu thuẫn giữa hai người kéo dài và rất trầm trọng, không thể hàn gắn. Vì vậy chị N có nguyện vọng được ly hôn với anh C.

Qua kết quả xác minh tại địa phương thì được biết; sau khi kết hôn anh C và chị N chung sống với nhau tại Tổ 5, thôn Thác Đ, xã E K, huyện C, tỉnh Đ. Chung sống với nhau một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn nên anh chị đã ly thân nhau. Nay chị N có nguyện vọng xin ly hôn với anh C, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4]Tại phiên tòa; Nguyên đơn chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy; mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã rất trầm trọng và kéo dài. Trong thời gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không có ý thức để hàn gắn, khắc phục và duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/11/2013 cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với anh C cùng gia đình bên nội. Về phía chị N, hiện tại chị đang làm công nhân ở xa, chưa có chỗ ăn ở ổn định và cũng chưa có điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng cháu. Nay chị có nguyện vọng sau khi ly hôn tạm thời giao cháu Bảo T cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu ổn định chỗ ăn học. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyện vọng của chị N là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của chị và của cháu Bảo T nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh thị n phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 30/11/2013 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Đinh Thị N được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí HNGĐ-ST:* Chị Đinh Thị N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0007086, ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Nguyên đơn được quy ền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quy ền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**** Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đ
- VKSND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã E
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh

